

Số: 324/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp
bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng
sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu; Quyết định số 417/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 9774/TTr-BNN-KH ngày 31 tháng 12 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với nội dung chủ yếu sau:

I. PHẠM VI CHƯƠNG TRÌNH.

Đồng bằng sông Cửu Long bao gồm 13 tỉnh, thành phố là Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre, An Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang và thành phố Cần Thơ.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm về phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long

- Tôn trọng quy luật tự nhiên, tránh can thiệp quá mức vào tự nhiên; sử dụng hiệu quả, hợp lý tài nguyên thiên nhiên.

- Chủ động, tích cực thích ứng và tận dụng cơ hội từ biến đổi khí hậu, coi nước mặn và nước lợ là nguồn tài nguyên cho phát triển. Xem xét các kịch bản cực đoan để chuẩn bị các giải pháp giải quyết tình huống khẩn cấp, đặc biệt là các kịch bản thiên tai có ảnh hưởng đến tính mạng con người.

- Thay đổi tư duy về an ninh lương thực, phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long dựa vào cây lúa; xoay trục chiến lược sang thủy sản - trái cây -

lúa gạo phù hợp với thị trường, dựa trên hệ thống canh tác đã hình thành và từng bước điều chỉnh theo lộ trình, tránh xáo trộn ảnh hưởng đến đời sống người dân.

- Phát triển tích hợp, đa ngành, có điều phối liên kết vùng, liên kết ngành.

- Đạt được sự đồng thuận của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về nhận thức và chương trình hành động, đặc biệt phải phù hợp với năng lực, mong muốn của người dân.

- Huy động nguồn lực tổng thể của nhà nước, các thành phần kinh tế, toàn dân, hợp tác quốc tế. Áp dụng cơ chế hợp tác công tư (PPP) và nguyên tắc đầu tư “không hối tiếc”.

- Tận dụng tối đa các cơ hội và lợi thế trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế để thúc đẩy phát triển sản xuất, mở rộng thị trường cho nông sản.

- Phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, hiệu quả, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng.

2. Mục tiêu của Chương trình

a) Mục tiêu chung

Nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long phát triển bền vững, an toàn, thịnh vượng trên cơ sở phát triển phù hợp nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao, kết hợp với dịch vụ, du lịch sinh thái, công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp; hệ thống cơ sở hạ tầng được quy hoạch, phát triển đồng bộ, hiện đại theo hướng chủ động, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo an toàn trước thiên tai; đa dạng sinh học và truyền thống văn hóa lịch sử được duy trì, tôn tạo, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao, thu nhập bình quân đầu người đạt cao hơn trung bình cả nước.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2030:

- + Về kinh tế:

- * Tốc độ tăng GDP nông nghiệp đạt trên 3%/năm;

- * Tốc độ tăng thu nhập từ chế biến nông lâm thủy sản đạt trên 5%/năm;

- * Tốc độ tăng năng suất lao động nông lâm thủy sản đạt trên 5%/năm;

- * Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông lâm thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 30%.

- + Về xã hội:

- * Chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn được nâng cao, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng ít nhất 2 lần so với năm 2018;

- * Tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm xuống dưới 30% tổng số lao động;

- * Tỷ lệ nông dân được đào tạo nghề nông nghiệp đạt trên 30%.
- + Về môi trường:
 - * Tỷ lệ sản lượng sản phẩm trồng trọt, thủy sản nuôi trồng được chứng nhận sản xuất bền vững trên 20%;
 - * Tỷ lệ cơ sở sản xuất chăn nuôi trên địa bàn xử lý chất thải bằng biogas hoặc các giải pháp công nghệ xử lý, sử dụng hiệu quả, sạch đạt 50%;
 - * Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản được tưới tiêu hiện đại, thân thiện môi trường đạt trên 30%;
 - * Tỷ lệ diện tích rừng sản xuất được quản lý bền vững có xác nhận đạt 50%;
 - * Giảm cường độ phát thải khí nhà kính từ sản xuất nông nghiệp/GDP nông nghiệp của vùng xuống 20% so với năm 2010.
- Đến năm 2045:
 - + Về kinh tế:
 - * Tốc độ tăng GDP nông nghiệp duy trì trên 3%/năm;
 - * Tốc độ tăng thu nhập từ chế biến nông lâm thủy sản đạt trên 7%/năm;
 - * Tốc độ tăng năng suất lao động nông lâm thủy sản đạt trên 7%/năm;
 - * Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông lâm thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 50%.
 - + Về xã hội:
 - * Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng ít nhất 2,5 lần so với năm 2030;
 - * Tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm xuống dưới 20% tổng số lao động;
 - * Tỷ lệ nông dân được đào tạo nghề nông nghiệp đạt trên 50%.
 - + Về môi trường:
 - * Tỷ lệ sản lượng sản phẩm trồng trọt, thủy sản nuôi trồng được chứng nhận sản xuất bền vững trên 50%;
 - * Tỷ lệ cơ sở sản xuất chăn nuôi trên địa bàn xử lý chất thải bằng biogas hoặc các giải pháp công nghệ xử lý, sử dụng hiệu quả, sạch đạt 70%;
 - * Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản được tưới tiêu hiện đại, thân thiện môi trường đạt trên 50%, không còn sử dụng nước ngầm cho sản xuất;
 - * Tỷ lệ diện tích rừng sản xuất được quản lý bền vững có xác nhận đạt 80%;
 - * Giảm cường độ phát thải khí nhà kính từ sản xuất nông nghiệp/GDP nông nghiệp của vùng xuống 40% so với 2010.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Định hướng chung

- Phát triển nông nghiệp theo 3 tiểu vùng của Kế hoạch đồng bằng sông Cửu Long (vùng thượng đồng bằng, vùng giữa và vùng ven biển) có xem xét đến các hệ sinh thái nông nghiệp trong từng tiểu vùng. Dựa trên biến động về nguồn nước, tính thích nghi đất đai và nhu cầu thị trường, vùng sản xuất các ngành hàng chiến lược được phân thành vùng an toàn, vùng chuyển đổi và vùng linh hoạt, trong đó: vùng an toàn là vùng có độ an toàn cao trước tác động của lũ, ngập, xâm nhập mặn và có thị trường; vùng chuyển đổi là vùng nguy cơ cao, độ an toàn thấp trước tác động của lũ, ngập, xâm nhập mặn và biến động thị trường; vùng linh hoạt là vùng chưa có đủ thông tin về tác động của hạn mặn, tình trạng úng ngập và khả năng cấp ngọt.

- Xoay trục chiến lược sang thủy sản - trái cây - lúa gạo; tăng tỷ trọng giá trị sản xuất thủy sản và trái cây, giảm tỷ trọng lúa gạo. Phát triển các ngành hàng khác theo chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) để đa dạng hóa hệ thống sản xuất nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân và phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long gắn với du lịch nông nghiệp, sinh thái đặc thù.

- Phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới để phối hợp nguồn lực và phát triển toàn diện mọi mặt của sản xuất nông nghiệp và đời sống nông thôn, trong đó ưu tiên vào các nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng chống rủi ro thiên tai.

- Phát triển nông nghiệp thích ứng với những thay đổi về điều kiện tự nhiên và thị trường, tập trung xử lý các yếu tố nội tại, cùng với tài nguyên, con người, tiến bộ khoa học công nghệ, biến nguy cơ thành thời cơ, biến bất lợi thành lợi thế.

- Thúc đẩy tập trung, tích tụ đất đai hình thành các hộ nông dân quy mô lớn, tổ chức nông hộ thành các hợp tác xã kiểu mới, liên kết với doanh nghiệp.

- Ưu tiên phát triển chế biến và thương mại trong chuỗi giá trị nông nghiệp; nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, tập trung giải quyết 3 vấn đề: giống, thức ăn và chế biến. Đến năm 2025, xác định được bộ giống tốt nhất và thích ứng với biến đổi khí hậu cho 3 ngành hàng chủ lực; đến năm 2030, làm chủ nguồn giống trong nước và vươn tầm quốc tế. Tăng cường canh tác bền vững, giảm tối đa sử dụng vật tư, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm; tăng tỷ lệ chế biến sản phẩm giá trị gia tăng. Phát triển các trung tâm hỗ trợ kỹ thuật cho vùng chuyên canh, các khu, cụm công nghiệp chế biến, các trung tâm dịch vụ hậu cần, chuỗi lạnh để kết nối thị trường.

- Quy hoạch tích hợp, đa ngành, lĩnh vực phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh thực hiện đồng bộ các giải pháp “không hối tiếc” có điều phối liên vùng, liên kết ngành với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Huy động nguồn lực tổng thể của nhà nước, các thành phần kinh tế, toàn dân, hợp tác quốc tế.

2. Định hướng phát triển nông nghiệp các tiểu vùng

- Vùng thượng đồng bằng: Phát triển nền nông nghiệp đa dạng, có tính đến thích ứng với lũ cực đoan; là vùng trọng điểm về sản xuất lúa và cá tra theo hướng hiện đại, bền vững; là vùng đóng vai trò điều tiết và hấp thu lũ cho đồng bằng sông Cửu Long.

- Vùng giữa: Phát triển nông nghiệp miệt vườn điển hình, là trung tâm chuyên canh trái cây lớn nhất của Vùng và cả nước; phát triển một số vùng lúa gạo tập trung, thủy sản nước ngọt, rau màu, cây công nghiệp và thủy sản nước lợ ở mức độ vừa phải.

- Vùng ven biển: Phát triển nền nông nghiệp dựa chính vào nước mặn và lợ, phát huy lợi thế thủy sản; khuyến khích trồng lúa gạo đặc sản vào mùa mưa có nước ngọt và khuyến khích hệ thống luân canh mặn - ngọt theo mùa phù hợp điều kiện đặc thù theo mùa của vùng. Vùng có diện tích rừng lớn nhất đồng bằng nên cần tận dụng để phát triển hệ thống nông - lâm kết hợp theo hướng sinh thái, hữu cơ, kết hợp du lịch sinh thái. Đảm bảo đủ nước ngọt cho sinh hoạt và sản xuất. Chuẩn bị sẵn sàng phòng chống, ứng phó, giảm nhẹ thiệt hại thiên tai, sạt lở bờ biển.

3. Định hướng phát triển các ngành chủ lực

a) Lúa gạo

Đến năm 2030, diện tích canh tác lúa toàn vùng còn 1,6 triệu ha (giảm khoảng 300 nghìn ha, chuyển sang canh tác trái cây và nuôi trồng thủy sản). Diện tích gieo trồng lúa còn 3,1 triệu ha (giảm 1 triệu ha do giảm diện tích canh tác và giảm vụ); sản lượng lúa dự kiến còn 17,3 triệu tấn (giảm 6,3 triệu tấn).

Chuyển đổi cơ cấu giống: tăng diện tích sử dụng giống xác nhận, chất lượng cao, chống chịu tốt hơn với hạn, mặn; các loại giống theo nhu cầu của thị trường xuất khẩu để từng bước chuyển sang canh tác lúa có chất lượng cao, đặc sản phục vụ tiêu dùng trong nước và các thị trường có tiêu chuẩn cao; đồng thời duy trì một phần diện tích lúa chất lượng trung bình để chế biến xuất khẩu. Cơ giới hóa đồng bộ các khâu sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ giảm tối đa chi phí sản xuất, vật tư nông nghiệp.

Khuyến khích doanh nghiệp và người dân đầu tư vào nông nghiệp, tập trung đầu tư vào chế biến sâu, chế biến phế, phụ phẩm để sản xuất các sản phẩm có giá trị cao từ gạo. Phát triển cụm các cơ sở kho chứa, bảo quản, sơ chế và các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vùng sản xuất. Nâng cao công nghệ chế biến, bảo quản đáp ứng tiêu chuẩn của các thị trường cao cấp. Tại các khu vực gần vùng chuyên canh, hình thành khu, cụm công nghiệp chế biến công nghệ cao và trung tâm dịch vụ hậu cần để kết nối ra thị trường.

Giữ thị trường truyền thống, nghiên cứu và phát triển thị trường xuất khẩu tiềm năng, tập trung vào các nhóm sản phẩm của Đề án tái cơ cấu ngành lúa gạo. Hình thành các trung tâm/chợ bán buôn/chuỗi bán lẻ tại vùng chuyên canh, đô thị lớn, khu công nghiệp.

b) Trái cây

Đến 2030, mở rộng diện tích trái cây, dự kiến tổng diện tích trái cây đạt khoảng 650 nghìn ha (tăng thêm 150 nghìn ha ở vùng chuyển đổi và vùng linh hoạt), chủ yếu chuyển đổi từ các vùng đất lúa kém hiệu quả ở các khu vực bị xâm nhập mặn, khu vực có địa hình cao; các cù lao màu mỡ.

Nghiên cứu và ứng dụng các loại giống cây trồng năng suất, chất lượng cao và chống chịu tốt hơn với biến đổi khí hậu, các biện pháp canh tác bền vững, giảm chi phí, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng vật tư đầu vào.

Tăng cường liên kết nông dân, tổ chức nông dân với doanh nghiệp tiêu thụ.

Nâng cao công nghệ chế biến, bảo quản, hình thành các khu, cụm công nghiệp chế biến công nghệ cao gắn với vùng chuyên canh và các trung tâm dịch vụ hậu cần để kết nối ra thị trường.

Nâng cao chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, giữ vững thị trường trong nước. Xây dựng vùng trồng, đảm bảo truy xuất nguồn gốc đáp ứng các yêu cầu mới của các thị trường nhập khẩu, đồng thời thúc đẩy đàm phán mở cửa thị trường mới để tăng cường xuất khẩu và đa dạng hóa thị trường.

c) Thủy sản

- Nuôi trồng thủy sản:

Đến năm 2030, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản của đồng bằng sông Cửu Long đạt hơn 1,3 triệu ha, tăng thêm khoảng 300 nghìn ha (bao gồm diện tích đất lúa chuyển đổi và tăng diện tích luân canh với lúa và tôm rừng sinh thái).

Phát triển ngành tôm và cá tra trở thành ngành sản xuất lớn, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái, định hướng xuất khẩu. Đồng thời phát triển đa dạng đối tượng nuôi thủy sản mặn lợ và nước ngọt khác có lợi thế của Vùng. Thúc đẩy phát triển nuôi trồng thủy sản vùng đồng bằng sông Cửu Long phù hợp với điều kiện sinh thái, xu hướng tác động của biến đổi khí hậu cũng như nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

Thúc đẩy nuôi trồng thủy sản theo các tiêu chuẩn bền vững quốc tế, đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường xuất khẩu. Đẩy mạnh các hình thức liên kết, hợp tác trong sản xuất và chế biến thủy sản.

Khuyến khích đầu tư phát triển thủy sản, tập trung cho chế biến sâu, đa dạng hóa các sản phẩm thủy sản chế biến. Chủ động sản xuất và cung ứng giống tôm, cá tra chất lượng cao cho thị trường. Phát triển hệ thống kho chứa, bảo quản, sơ chế và các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vùng sản xuất.

- Khai thác thủy sản:

Cơ cấu lại đội tàu theo hướng phát triển các tổ đội công suất lớn, hợp tác xã, đồng quản lý và quản lý dựa vào cộng đồng với hệ thống tàu hậu cần, công nghiệp phụ trợ; tăng cường đầu tư hệ thống các cảng cá, bến cá, các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, các khu dịch vụ hậu cần ven biển và trên các đảo, Trung tâm nghề cá lớn tại Kiên Giang nhằm khai thác các ngư trường lớn ở biển

Tây và biển Đông; hợp tác khai thác trên các vùng biển chung phù hợp luật pháp quốc tế. Chống đánh bắt bất hợp pháp, hủy diệt nguồn lợi.

Duy trì các nghề khai thác thủy sản nội địa hợp lý, bền vững và có trách nhiệm; thiết lập các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn để bảo vệ khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống và đường di cư của loài thủy sản; triển khai thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản; bảo vệ tái tạo nguồn lợi thủy sản và phục hồi môi trường sống của loài thủy sản bản địa nguy cấp, quý hiếm, có giá trị kinh tế và khoa học. Khai thác bền vững, vừa khai thác vừa bảo vệ nguồn lợi; bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản trên sông, hồ.

Ứng dụng khoa học công nghệ trong khai thác thủy sản, bảo quản sản phẩm để giảm tổn thất sau thu hoạch.

Theo dõi, giám sát chất lượng nước các cửa sông và sự liên thông giữa sông ngòi nội địa và biển, đáp ứng nhu cầu di cư vào ra cửa sông của thủy sản biển và thủy sản nước ngọt.

Vận hành hợp lý các công kiểm soát mặn để đảm bảo tính liên thông giữa biển và sông ngòi nội địa, kiểm soát mặn và đảm bảo chất lượng nước vùng cửa sông cho thủy sản tự nhiên và thủy sản nuôi trồng.

d) Chăn nuôi

Phát triển chăn nuôi bền vững, an toàn sinh học, gắn với thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; chuyển sang chăn nuôi tập trung ngoài khu dân cư; ứng dụng khoa học công nghệ; sản xuất khép kín, liên kết chuỗi với hệ thống giết mổ tập trung, nhà máy chế biến, nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi; tăng cường kiểm soát dịch bệnh, chất lượng thức ăn, thuốc thú y, xử lý môi trường. Nghiên cứu, xây dựng trung tâm giống vật nuôi tại vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Tập trung các sản phẩm gia cầm, thủy cầm thích ứng lũ tại vùng thượng; phát triển chăn nuôi bò, lợn, đồng thời kết hợp trong các hệ thống canh tác khác tại vùng giữa; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi vịt biển, các loại vật nuôi sử dụng ít nước nhưng có giá trị cao như ong, chim yến...vùng ven biển; kết hợp chăn thả dưới tán rừng theo hướng sinh thái, hữu cơ.

đ) Lâm nghiệp

Phục hồi và phát triển rừng là nhiệm vụ trọng tâm; kết hợp hài hòa giữa bảo vệ rừng tràm, rừng ngập mặn với phát triển các sinh kế từ rừng, đặc biệt là thủy sản sinh thái dưới tán rừng (tôm, cua, cá...) và du lịch sinh thái; phát triển các mô hình quản lý rừng dựa vào cộng đồng.

e) Du lịch sinh thái

Phát triển hệ sinh thái nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long làm nền tảng cho phát triển du lịch, gắn với bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn ven biển, bảo tồn đa dạng sinh học; phát triển du lịch miệt vườn... Thu hút đầu tư để phát triển các dịch vụ hỗ trợ. Tăng cường đào tạo nghề dịch vụ du lịch, góp phần chuyển đổi nghề bền vững cho lao động nông thôn.

g) Thủy lợi và phòng chống thiên tai

- Vùng thượng đồng bằng: Chủ động kiểm soát lũ, ứng phó với lũ cực đoan, phòng chống sạt lở bờ sông để bảo vệ khu dân cư, công trình hạ tầng, diện tích trồng lúa 2 vụ, nuôi trồng thủy sản. Cải tạo các trục thoát lũ ra biển Tây và Đồng Tháp Mười. Tập trung gia cố hệ thống đê, nạo vét kênh mương, tăng khả năng chủ động lấy nước, trữ nước, tiêu thoát và điều tiết lũ, đồng thời hỗ trợ sản xuất, phát triển các sinh kế khác ngoài 2 vụ lúa. Bảo vệ không gian thoát lũ, kết hợp nghiên cứu giải pháp trữ nước lũ vùng ngập sâu để phục vụ cấp nước mùa khô và các mục đích khác.

- Vùng giữa: Hoàn thiện hệ thống, công trình thủy lợi để chủ động cấp nước; nâng cấp đê bao, bờ bao bảo vệ đô thị, khu dân cư; nghiên cứu thiết kế hệ thống kênh mương, bờ vùng cây ăn trái, nuôi trồng thủy sản tập trung để đảm bảo liên thông trao đổi nước. Đầu tư các công trình phòng chống sạt lở bờ sông, kênh rạch, công trình điều tiết, nạo vét các trục kênh để chủ động trữ nước đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, cấp nước cho các ngành kinh tế và công trình chuyển nước ngọt ra vùng ven biển.

- Vùng ven biển: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống thủy lợi kiểm soát nguồn nước để cấp nước sinh hoạt, chủ động cấp nước ngọt, mặn phục vụ sản xuất, nuôi trồng thủy sản. Tiếp tục đầu tư xây dựng củng cố, nâng cấp các tuyến đê biển, hệ thống kè giảm sóng gây bồi kết hợp với trồng rừng bảo vệ đê biển, bờ biển. Hạn chế, sử dụng hợp lý nước ngầm phục vụ sinh hoạt và nuôi trồng thủy sản nhằm phòng tránh sụt lún, sạt lở. Ứng dụng, chuyển giao công nghệ thu, trữ, xử lý nước tại chỗ phục vụ sinh hoạt trong thời gian hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, công nghệ xử lý nước thải nuôi trồng thủy sản.

h) Phát triển nông thôn

Phát triển các mô hình nông thôn mới gắn với ổn định đời sống dân cư, di dân ra khỏi các vùng nhạy cảm về môi trường, chuyển đổi nông nghiệp, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng. Giảm lao động trong nông nghiệp, đồng thời chuyên nghiệp hóa, trẻ hóa thích ứng với sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Tạo việc làm phi nông nghiệp tại chỗ theo Chương trình OCOP và phát triển công nghiệp, dịch vụ phục vụ nông nghiệp; tạo việc làm phi nông nghiệp ngoài vùng và xuất khẩu lao động gắn với nhu cầu thị trường.

Nhân rộng các mô hình sản xuất chuyên ngành phù hợp với cây, con, ngành nghề và với đặc thù của Vùng. Tổ chức lại sản xuất gắn với phát triển các mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để xây dựng các chuỗi liên kết trong sản xuất trên tất cả các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản... Tăng cường hợp tác liên kết sản xuất - tiêu thụ liên tỉnh, liên vùng nhằm tạo đầu ra cho sản phẩm và tìm kiếm cơ hội xuất khẩu sản phẩm có ưu thế và tiềm năng.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Rà soát và điều chỉnh các quy hoạch vùng và tỉnh đồng bằng sông Cửu Long theo các định hướng chuyển đổi bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Rà soát quy hoạch ngành, lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long đã được phê duyệt; xác định các nội dung chồng chéo, mâu thuẫn, không hợp lý, thiếu khả thi, đề xuất phương hướng xử lý; kiến nghị nội dung quy hoạch để tích hợp vào quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo quy định của Luật Quy hoạch.

- Rà soát, cập nhật các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Quy hoạch vùng dân cư và tổ chức sản xuất thích ứng với thiên tai, bố trí lùi vào phía trong bờ biển/bờ sông để đảm bảo an toàn trước các ảnh hưởng của bão, lũ, nước biển dâng, ngập mặn, đặc biệt tập trung vào vùng ven biển.

2. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Đối với nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ:

- Trong quá trình xây dựng kế hoạch hàng năm và 5 năm sẽ xem xét và có kế hoạch cụ thể đối với các công trình hạ tầng thiết yếu cấp vùng và tiểu vùng phù hợp với khả năng ngân sách trung ương và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công.

- Ưu tiên đầu tư hiện đại hóa công trình thủy lợi cấp vùng và tiểu vùng ứng phó với biến đổi khí hậu, cơ sở hạ tầng phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp, hạ tầng phát triển thủy sản gắn kết chặt chẽ với đầu tư cho hệ thống giao thông; các công trình hạ tầng hỗ trợ phòng chống thiên tai, hỗ trợ di dời dân cư ra khỏi khu vực nguy hiểm do thiên tai; các công trình hỗ trợ bảo tồn cảnh quan, môi trường tự nhiên.

b) Đối với nguồn ngân sách địa phương:

- Tiếp tục huy động, sử dụng vốn vay (ODA, vay ưu đãi nước ngoài) để đầu tư phát triển theo quy định hiện hành.

- Ưu tiên đầu tư hiện đại hóa công trình thủy lợi tích hợp của địa phương hỗ trợ vùng nguyên liệu tập trung tại các vùng an toàn và vùng chuyển đổi; xây dựng hạ tầng kết nối cơ bản tới các trung tâm hậu cần, vận chuyển tập trung hàng hóa cho vùng và tiểu vùng tới các khu công nghiệp chế biến sâu sản phẩm và các phụ phẩm tại các thành phố lớn, tới các cụm công nghiệp - dịch vụ tại các vùng lõi của vùng chuyên canh chủ lực; hạ tầng cơ bản phục vụ đời sống tại các vùng cần di dân, đảm bảo an toàn trước ảnh hưởng của bão, lũ, nước biển dâng, ngập mặn.

c) Đối với nguồn vốn của doanh nghiệp và các thành phần kinh tế:

- Huy động nguồn vốn tín dụng đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn, nhất là vốn vay trung và dài hạn phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh của từng

đối tượng. Mở rộng các hình thức vay không thế chấp, vay bảo hiểm, vay dưới hình thức cho thuê tài chính.

- Thúc đẩy đầu tư theo hình thức đối tác công - tư đối với việc xây dựng hạ tầng giao thông huyết mạch (đường bộ, đường thủy, cảng nước sâu); xây dựng hạ tầng các trung tâm hậu cần - vận chuyển; xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp chế biến sâu sản phẩm và các phụ phẩm nông nghiệp tại các thành phố lớn; xây dựng hạ tầng tại các cụm công nghiệp - dịch vụ tại các vùng lõi của vùng chuyên canh chủ lực.

- Ưu tiên thu hút đầu tư các doanh nghiệp lớn, có năng lực quản trị và công nghệ cao, thân thiện với môi trường vào xây dựng liên kết chuỗi giá trị nông nghiệp tại các vùng nguyên liệu chủ lực, phát triển các trung tâm hậu cần - vận chuyển, phát triển công nghiệp chế biến sâu tại các thành phố lớn.

- Ưu tiên thu hút đầu tư các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp địa phương vào các cụm công nghiệp - dịch vụ tại các vùng lõi của vùng chuyên canh chủ lực.

- Thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp, hợp tác xã, cộng đồng đầu tư vào các sản phẩm đặc sản theo mô hình OCOP gắn với phát triển du lịch, đặc biệt tại các vùng linh hoạt.

3. Đổi mới tổ chức sản xuất và phát triển chuỗi giá trị

- Thúc đẩy tập trung đất đai, bổ sung xây dựng Chương trình đẩy mạnh phát triển các vùng nguyên liệu chủ lực tại các vùng an toàn và vùng chuyển đổi.

- Xây dựng lực lượng chuyên gia về tổ chức nông dân và hỗ trợ việc thành lập hợp tác xã tại các địa phương.

- Xây dựng Chương trình thu hút đầu tư phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp, thủy sản và hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác.

- Tổ chức, kiện toàn hiệp hội/tổ chức doanh nghiệp theo cơ chế hoạt động minh bạch, cạnh tranh công bằng, hành động thống nhất để có đủ năng lực và vị thế để đàm phán và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật từ nước nhập khẩu, từng bước tiến tới thống nhất sản lượng sản xuất của các thành viên trong hiệp hội.

- Phối hợp với các hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình thông tin, dự báo và phát triển thị trường cho các sản phẩm chủ lực của vùng trong bối cảnh ký kết và thực hiện các hiệp định thương mại, Chương trình đầu tư có trách nhiệm, đảm bảo tính bao trùm, bền vững, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Triển khai mạnh mẽ Chương trình OCOP tại các địa phương trong vùng, gắn với phát triển khởi nghiệp nông thôn và kinh tế hợp tác, đặc biệt tại các vùng linh hoạt.

- Xây dựng cơ chế cộng đồng quản lý tài nguyên thiên nhiên tại các khu vực nhạy cảm về môi trường và biến đổi khí hậu.

4. Phát triển khoa học công nghệ

- Tập trung đầu tư nâng cấp, phát triển các viện nghiên cứu về thủy sản, trái cây, lúa gạo, thủy lợi của vùng theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm và hoạt động gắn với thị trường.

- Nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ xanh thích ứng với biến đổi khí hậu cho các ngành hàng với sự tham gia và liên kết giữa các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khuyến nông, doanh nghiệp, hợp tác xã, chính quyền địa phương và các tổ chức, các cá nhân sản xuất:

- + Nghiên cứu phục tráng, tuyển chọn, lai tạo, nhập nội cải tiến hệ thống giống chất lượng cao, thích nghi tốt, tiến tới làm chủ nguồn giống; nghiên cứu áp dụng công nghệ tiên tiến, đạt hiệu quả cao, cải tiến kỹ thuật canh tác hữu cơ, bền vững, thân thiện với môi trường, thích ứng với lũ cực đoan và hạn mặn.

- + Nghiên cứu các công thức thức ăn, chế phẩm sinh học cho nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi tận dụng các phế phụ phẩm nông nghiệp hiện có ở đồng bằng sông Cửu Long, hướng tới làm chủ việc sản xuất thức ăn, chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản.

- + Nghiên cứu các đối tượng sản xuất nông nghiệp mới thích nghi tốt tại đồng bằng sông Cửu Long, có thể kết hợp với các hệ thống canh tác lúa, trái cây, thủy sản, rừng ngập mặn hoặc chuyển đổi để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- + Nghiên cứu tiềm năng và giải pháp kỹ thuật để phát triển nuôi thủy sản trên biển, ưu tiên các giải pháp đảm bảo an toàn tính mạng cho người, phương tiện, trang thiết bị nuôi trồng thủy sản khi xảy ra thiên tai.

- Thí điểm và nhân rộng các mô hình nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, mô hình về kỹ thuật mới, công nghệ mới trong sản xuất, chế biến, trong quản lý vùng chuyên canh, truy xuất nguồn gốc và liên kết chuỗi giá trị, mô hình kinh tế tuần hoàn sử dụng hiệu quả phụ phẩm nông nghiệp.

- Nghiên cứu làm rõ ảnh hưởng của lũ, hạn, mặn đến các vùng linh hoạt để xác định các hướng chuyển đổi trong dài hạn. Trong ngắn hạn, theo dõi thường xuyên diễn biến lũ, hạn mặn và thị trường, cung cấp thông tin và tư vấn để người dân chủ động linh hoạt sản xuất.

- Nghiên cứu các giải pháp vật liệu xây dựng cho đồng bằng thay thế cho khai thác cát trên sông.

5. Phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng Chương trình đào tạo nông dân chuyên nghiệp, chuyển đổi lao động nông nghiệp và tạo việc làm.

- Xây dựng Chương trình thu hút chuyên gia, trí thức trẻ về nông thôn, thúc đẩy mạnh mẽ phong trào khởi nghiệp sáng tạo tại từng địa phương.

6. Nâng cao năng lực quản lý tài nguyên và môi trường

- Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống quan trắc, thông tin trực quan hỗ trợ

điều hành, vận hành tối ưu các hệ thống thủy lợi điều tiết lũ và mặn, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp, tình hình sạt lở ven sông, ven biển để thích ứng với các thay đổi của tự nhiên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Triển khai các dự án bảo vệ và phát triển rừng trầm, rừng ngập mặn.

- Điều tra đánh giá và đưa ra giải pháp quản lý hiệu quả nguồn tài nguyên môi trường nông nghiệp, nông thôn.

- Xây dựng, triển khai các phương án ứng phó với lũ cực đoan, hấp thu lũ, thoát lũ; xử lý ô nhiễm nước mặt; tái tạo nguồn nước ngầm; cấp nước ngọt; quản lý hệ thống cung ứng vật tư nông nghiệp. Cung cấp thông tin cảnh báo sớm thời tiết, lũ, hạn, mặn và tư vấn nông nghiệp.

7. Rà soát và xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù

Rà soát, thể chế hóa và thực thi cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng theo tự nhiên, hội nhập quốc tế:

- Chuyển đổi, sử dụng linh hoạt giữa đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất cho chăn nuôi, đất nuôi trồng thủy sản, tạo điều kiện thuận lợi để người sử dụng đất nông nghiệp được chuyển đổi mục đích sản xuất cây trồng, vật nuôi, nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp theo quy hoạch và quy định của pháp luật, đồng thời đảm bảo các điều kiện về môi trường; hỗ trợ chuyển đổi đất lúa, cho phép doanh nghiệp sử dụng một phần diện tích nhất định để xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp; tập trung thúc đẩy thị trường thuê đất nông nghiệp; hỗ trợ pháp lý cho người dân liên doanh, liên kết góp vốn bằng quyền sử dụng đất với doanh nghiệp, hợp tác xã; tạo điều kiện hỗ trợ tín dụng cho mua, thuê đất nông nghiệp; khuyến khích cho thuê đất công, đất rừng, bãi bồi, đất ven sông, ven biển gắn với xã hội hóa đầu tư để phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ người dân trồng lúa 3 vụ chuyển đổi canh tác.

- Ưu tiên mở rộng tín dụng và đẩy mạnh cho vay theo chuỗi giá trị cho hộ nông dân, tổ chức kinh tế tập thể, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, xây dựng liên kết chuỗi giá trị nông nghiệp, công nghiệp chế biến và dịch vụ logistics hỗ trợ nông nghiệp.

- Cung cấp dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp cho hộ nông dân, tổ chức kinh tế tập thể và doanh nghiệp tham gia sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị của các sản phẩm chủ lực.

8. Tăng cường liên kết vùng và tiểu vùng

- Thành lập ban điều phối phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng biến đổi khí hậu cho từng tiểu vùng có chức năng điều phối liên ngành, liên địa phương, trực thuộc hoặc liên kết chặt chẽ với Hội đồng điều phối vùng đồng bằng sông Cửu Long. Xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ điều hành ban điều phối phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng biến đổi khí hậu các tiểu vùng.

- Thử nghiệm một số mô hình liên kết trong mỗi tiểu vùng và toàn vùng, trước mắt tập trung vào quản lý nguồn nước, phát triển liên kết chuỗi giá trị nông nghiệp, phát triển thị trường và thu hút đầu tư nông nghiệp.

9. Hợp tác quốc tế: chia sẻ thông tin, tranh thủ sự hỗ trợ về kinh nghiệm, công nghệ, kỹ thuật, quản trị; tăng cường điều phối liên ngành, liên vùng trong huy động nguồn lực quốc tế hỗ trợ phát triển nông nghiệp đồng bằng sông Cửu Long.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tổng kinh phí dự kiến để thực hiện Chương trình khoảng 17.500 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách nhà nước khoảng 5.500 tỷ đồng; vốn tư nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác 12.000 tỷ đồng.

2. Danh mục một số chương trình, đề án ưu tiên triển khai thực hiện trong giai đoạn 2020-2030 theo phụ lục kèm theo.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì tổ chức, hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình tổng thể, lồng ghép với các Chương trình mục tiêu quốc gia và Chương trình đầu tư công khác có liên quan; kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì và phối hợp với các bộ, ngành liên quan đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các chính sách, bảo đảm cho việc thực hiện các mục tiêu đề ra của Chương trình tổng thể.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng hệ thống quan trắc môi trường và tài nguyên nước đồng bằng sông Cửu Long, xây dựng Trung tâm dữ liệu tích hợp của Vùng.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng cường hợp tác quốc tế Mê Công, Mê Công - Lan Thương trong quản lý lưu vực sông Mê Công.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và cơ quan liên quan đề xuất sửa đổi chính sách về đất đai để khuyến khích tập trung, tích tụ đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn có sức cạnh tranh và hiệu quả cao, đặc biệt là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển theo kế hoạch trung hạn và hàng năm để thực hiện Chương trình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, điều chỉnh các chính sách thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp.

- Tích hợp quy hoạch ngành nông nghiệp nông thôn và các quy hoạch liên quan vào quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 thích ứng với biến đổi khí hậu.

4. Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân bổ, bố trí vốn sự nghiệp để thực hiện Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, điều chỉnh các chính sách về thuế, tín dụng và bảo hiểm lĩnh vực nông nghiệp để thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Chương trình.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng và triển khai Chương trình thúc đẩy nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ xanh thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bằng sông Cửu Long, chú trọng các nghiên cứu có tính ứng dụng cao.

- Phối hợp với Bộ Tài Nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đồng bằng sông Cửu Long.

6. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội Nông dân Việt Nam xây dựng và triển khai Chương trình đào tạo nông dân chuyên nghiệp, Chương trình chuyển đổi lao động nông nghiệp.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, tạo điều kiện cho các địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về nông nghiệp và phát triển nông thôn trong bối cảnh tác động của biến đổi khí hậu.

8. Bộ Công thương

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương trong khu vực xây dựng quy hoạch các cụm ngành hàng chiến lược; phát triển năng lực phục vụ sản xuất.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các chương trình, chính sách khuyến khích thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm soát thị trường vật tư đầu vào; theo dõi và cung cấp thông tin thị trường, đặc biệt là các thị trường tiềm năng; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường, phát triển thị trường, xúc tiến thương mại.

9. Bộ Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy hoạch, bố trí sắp xếp lại dân cư nông thôn, đặc biệt là các khu vực có nguy cơ sạt lở; xây dựng phương án phòng chống ngập úng đô thị; triển khai nghiên cứu các giải pháp sử dụng vật liệu xây dựng thay thế khai thác cát trên sông cho đồng bằng sông Cửu Long. Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

10. Bộ Giao thông vận tải chủ trì xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông do Trung ương quản lý, nghiên cứu quy hoạch và phương án huy động nguồn lực để xây dựng cảng biển nước sâu trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long, phối hợp với Bộ Công thương trong việc tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để hình thành các trung tâm logistics quy mô lớn cho khu vực phía Nam.

11. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vùng đồng bằng sông Cửu Long

- Tổ chức thực hiện Chương trình tổng thể tại địa phương và phối hợp với các địa phương trong vùng triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình.

- Xây dựng và triển khai các dự án thực hiện Chương trình tổng thể.

- Xây dựng các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch trung hạn và hàng năm của địa phương; gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Quản lý, đánh giá, tổng kết việc thực hiện các dự án thuộc Chương trình tổng thể do địa phương quản lý; định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện Chương trình tổng thể tại địa phương; định kỳ sơ kết và tổng kết Chương trình tổng thể ở địa phương theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Ủy ban: Kinh tế; TC-NS; KH, CN&MT của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTgCP, các Vụ: TH, PL, QHĐP, KTTH, CN, KGVX;
- Lưu: VT, NN (3) Tuyenh. 37

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng



Phụ lục
DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN,
DỰ ÁN ƯU TIÊN GIAI ĐOẠN 2020-2030
(Kèm theo Quyết định số 324/QĐ-TTg
ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Chương trình/Đề án/Dự án	Giai đoạn thực hiện	Nguồn	
			Nhà nước	Tư nhân
I	CHƯƠNG TRÌNH			
1	Tổ chức sản xuất và thương mại hóa			
	Chương trình thúc đẩy nông dân tập trung, tích tụ đất nông nghiệp, phát triển các vùng nguyên liệu chủ lực	2020-2030	x	
	Xây dựng các trung tâm thu gom nông sản	2020-2030	x	x
2	Khoa học công nghệ			
	Chương trình nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ vùng ĐBSCL	2020-2030	x	
	Chương trình thí điểm các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu	2020-2025	x	x
3	Phát triển nguồn nhân lực			
	Chương trình đào tạo lao động, nông dân chuyên nghiệp	2020-2025	x	x
	Chương trình chuyển đổi lao động nông nghiệp và tạo việc làm ĐBSCL	2020-2025	x	x
	Chương trình thu hút nhân tài ngành nông nghiệp tại ĐBSCL	2020-2030	x	x
II	ĐỀ ÁN			
1	Quản lý tài nguyên			
	Đề án tăng cường cơ chế giám sát hệ thống cung ứng, kiểm soát chất lượng vật tư đầu vào trong nông nghiệp	2020-2025	x	x
2	Hợp tác quốc tế			
	Đề án tăng cường hợp tác Mê Công, Mê Công - Lan Thương	2020-2025	x	

TT	Chương trình/Đề án/Dự án	Giai đoạn	Nguồn	
III	DỰ ÁN			
1	Quy hoạch			
	Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch vùng và tiểu vùng	2020-2025	x	
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng			
	Dự án xây dựng Trung tâm dữ liệu và công cụ trực quan hỗ trợ phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu (lồng ghép với các Đề án, Dự án liên ngành đã và đang được triển khai)	2020-2025	x	x
3	Quản lý tài nguyên, môi trường			
	Dự án bảo vệ và phát triển rừng trầm và rừng ngập mặn	2020-2030	x	x
IV	MỘT SỐ NHIỆM VỤ KHÁC			
1	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù (đất đai, tín dụng)	2020-2025	x	
2	Truyền thông, thông tin	2020-2030	x	x
V	CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN CHO NGÀNH THỦY SẢN			
1	Chương trình thông tin, dự báo và phát triển thị trường cho các sản phẩm chủ lực ngành thủy sản	2020-2030	x	x
2	Chương trình thu hút đầu tư phát triển chuỗi và hỗ trợ kinh tế hợp tác ngành thủy sản	2020-2030	x	x
3	Các dự án xây dựng cụm ngành thủy sản	2020-2030	x	x
4	Các dự án xây dựng hạ tầng phục vụ phát triển vùng thủy sản	2020-2030	x	x
VI	CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN CHO NGÀNH TRÁI CÂY			
1	Chương trình thông tin, dự báo và phát triển thị trường cho các sản phẩm chủ lực ngành trái cây	2020-2030	x	x

TT	Chương trình/Đề án/Dự án	Giai đoạn	Nguồn	
2	Chương trình thu hút đầu tư phát triển chuỗi và hỗ trợ kinh tế hợp tác ngành trái cây	2020-2030	x	x
3	Các dự án xây dựng cụm ngành trái cây	2020-2030	x	x
VII	CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN CHO NGÀNH LÚA GẠO			
1	Chương trình thu hút đầu tư phát triển chuỗi và hỗ trợ kinh tế hợp tác ngành lúa gạo	2020-2030	x	x
2	Chương trình thông tin, dự báo và phát triển thị trường cho các sản phẩm chủ lực ngành lúa gạo	2020-2030	x	x
3	Các dự án xây dựng cụm ngành lúa gạo	2020-2030	x	x
4	Chương trình hỗ trợ sinh kế cho nông dân trồng lúa 3 vụ chuyển đổi canh tác	2020-2030	x	x